

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C, TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST

Ngày: 01/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông **Huỳnh Văn Dũng**
 - + Ông **Trần Văn Nhu**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Âu Thị Thảo** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Trường Duy** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với:

*** Bị cáo:**

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1990, tại V.

- Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh V.
- Nghề nghiệp: Không.
- Trình độ văn hoá: 9/12.
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
- Con ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị Mộng T.
- Bị cáo sống chung như vợ chồng với Trần Ngọc D và có 01 con tên Trần Gia P, sinh năm năm 2020.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: 01 – Ngày 12/8/2020 bị Công an xã P, huyện T, tỉnh V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2020, tạm giam từ ngày 28/12/2020 đến nay.

(Bị cáo có mặt).

2. Trần Ngọc D, sinh năm 1983, tại V.

- Nơi cư trú: ấp 3B, xã P, huyện T, tỉnh V.

- Nghề nghiệp: Không.

- Trình độ văn hoá: 7/12.

- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

- Con ông Trần Văn B và bà Võ Thị H.

- Bị cáo có chồng là Huỳnh Hữu H (đã ly hôn), có 01 con chung tên Huỳnh Thị Yến N, sinh năm 2001. Năm 2017 kết hôn với Đào Minh D đến năm 2019 ly hôn. Từ năm 2019 đến nay quen biết và sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn L, có 01 con chung là Trần Gia P, sinh năm 2020.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

(Bị cáo có mặt).

* **Bị hại:** Anh **Phạm Ngọc Đ**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

- Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Bùi Thanh K**, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

- Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T

2. Bà **Lưu Thị Mộng T**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

- Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh V.

3. Ông **Đinh Lê V**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

- Nơi cư trú: Ấp 18, xã P, thị xã G, tỉnh B.

* **Người làm chứng:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

- Nơi cư trú: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L và Trần Ngọc D sống chung như vợ chồng, cả hai là bạn bè chơi chung với Lê Minh Đ (tên thường gọi là C). Khoảng 22 giờ ngày 17/12/2020, Đ cùng với 01 người nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) là vợ Đ, mỗi người điều khiển 01 xe mô tô loại Exciter (không rõ biển số) đến nhà bà Lưu Thị Mộng T (mẹ ruột L) ở ấp P, xã P, huyện T, tỉnh V chơi. Tại đây, sau khi cùng nhau sử dụng ma túy tại phòng riêng của L. Đ nhờ L và D điều khiển xe giúp Đ 01 xe mô tô đi thành phố H và hứa sẽ tìm cho D chiếc xe mô tô để làm phương tiện đi lại thì D và L đồng ý.

Đến khoảng 01 giờ ngày 18/12/2020, Lợi điều khiển xe mô tô loại Exciter màu đỏ (không rõ biển số) chở D, còn Đ điều khiển xe mô tô loại Exciter màu xám (không rõ biển số) chở vợ Đ cùng đi trên Quốc lộ 1 về hướng thành phố H. Khi đi ngang qua quán ăn T, cặp Quốc lộ 1, thuộc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T, Đ nhìn thấy 01 xe mô tô loại Sirius màu đỏ đen (không gắn biển số) của anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1982, thường trú ấp M, xã M, huyện C đậu trước quán ăn, không người trông coi nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô nói trên. Lúc này, do L điều khiển xe mô tô phía trước nên Đ khiển xe chạy theo, khi đến dốc cầu T, Quốc lộ 1, thuộc ấp K, xã H, huyện C thì đuổi kịp L, Đ rủ L và D quay lại quán ăn T trộm cắp xe thì L và D đồng ý. D qua xe Exciter màu xám để vợ Đ chở đến gầm cầu H (cách đó khoảng 200 m) đợi, còn L thì điều khiển xe mô tô loại Exciter màu đỏ chở Đ quay lại quán ăn T để trộm cắp xe. Đến khoảng 01 giờ 50 ngày 18/12/2020, khi cả hai đến quán ăn T, L điều khiển xe đến dốc cầu Ông H (cách quán ăn T khoảng 200m) chờ, Đ vào trộm cắp xe Sirius rồi nổ máy điều khiển xe về hướng T, L điều khiển xe Exciter màu xám theo phía sau. Sau đó, tất cả dừng xe lại gặp nhau trước quán cà phê M, cặp Quốc lộ 1, thuộc ấp H, xã H, huyện C, Đ lấy biển số 94D1 – 411.22 trong túi xách của Đ mang theo trước đó gắn vào xe Sirius vừa trộm cắp rồi giao cho D để D sử dụng. D điều khiển xe Sirius quay trở về nhà bà T cất giấu. L tiếp tục giúp Đ điều khiển xe mô tô loại Exciter màu xám cùng Đ điều khiển xe mô tô loại Exciter màu đỏ chở vợ Đ Đường đi về hướng thành phố H rồi trở về nhà bà T ở V. Sau khi phát hiện xe bị mất trộm xe, anh

Đ đã kiểm tra lại thiết bị định vị thì biết được vị trí xe đang ở tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh V nên đã đến Công an xã P trình báo sự việc. Qua xác minh, Công an xã P phát hiện và thu hồi được xe mô tô loại Sirius tại nhà bà T, nên đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp nhận, thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình xác minh, L và D đã thừa nhận hành vi trộm cắp của mình.

Đối với xe loại Sirius màu đỏ đen (không gắn biển số) của anh Phạm Ngọc Đ bị mất trộm, kết quả tra cứu xác định xe hiệu Yamaha, loại Sirius có số khung: RLCS5C6J0EY112504, số máy: 5C6J112503, có biển số là 63B2 – 466.59 do anh Bùi Thanh K, sinh năm 1994, thường trú ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T đứng tên chủ sở hữu, anh K đã bán lại xe cho anh Đ nhưng chưa làm thủ tục sang tên trước bạ, trong quá trình sử dụng bị mất biển số xe.

Bản kết luận định giá tài sản số 403/KLĐG-TTHS ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND huyện C kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, số máy 5C6J112503, số khung RLCS5C6J0EY112504, biển số 63B2 – 466.59 trị giá 7.250.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, số máy 5C6J112503, số khung RLCS5C6J0EY112504, có gắn biển số 94D1 – 411.22; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, sọc trắng, trên cổ áo có chữ “TS FASHION MADE IN VIET NAM. 3 XL”; 01 nón lưỡi trai màu đen, bên trong có chữ “nón sơn” màu cam; 01 áo sơ mi dài tay màu đen sọc trắng, trên cổ áo có chữ.

Về xử lý vật chứng: Ngày 25/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả lại xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, số máy 5C6J112503, số khung RLCS5C6J0EY112504 (không gắn biển số) cho anh Phạm Ngọc Đ.

Hiện còn tạm giữ 01 biển số 94D1 – 411.22; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, sọc trắng, trên cổ áo có chữ “TS FASHION MADE IN VIET NAM. 3 XL”; 01 nón lưỡi trai màu đen, bên trong có chữ “nón sơn” màu cam; 01 áo sơ mi dài tay màu đen sọc trắng, trên cổ áo có chữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Ngọc Đ đã nhận tài sản bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 02/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo **Nguyễn Văn L và Trần Ngọc D** về tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Ngọc D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị:

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 09 - 12 tháng tù;

- Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Ngọc D từ 06 - 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Ngọc Đ đã nhận tài sản bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Đối với 01 biên số 94D1 – 411.22 các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 áo sơ mi dài tay màu đen, sọc trắng, trên cổ áo có chữ “TS FASHION MADE IN VIET NAM. 3 XL”; 01 nón lưỡi trai màu đen, bên trong có chữ “nón sơn” màu cam; 01 áo sơ mi dài tay màu đen sọc trắng, trên cổ áo có chữ là đồ dùng cá nhân của bị cáo L, bị cáo L không có yêu cầu nhận lại. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Ngọc D đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nên sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của những người vắng mặt.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Bị cáo L và bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/12/2020, tại quán ăn Thành Đ, Quốc lộ 1 thuộc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T đã cùng với Lê Minh Đ và người phụ nữ đi cùng Đ (không rõ họ, tên) thực hiện hành vi trộm cắp của anh Phạm Ngọc Đ xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tang vật chứng thu giữ, lời khai người bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo L đã có hành vi giúp sức cho Lê Minh Đ lợi dụng sở hữu của chủ tài sản. Trong lúc tài sản không có người trong giữ để thực hiện trộm cắp tài sản. Bị cáo D biết Đ và bị cáo L quay lại trộm tài sản, bị cáo D đã không ngăn cản. Sau khi lấy được tài sản bị cáo D là người cất giấu sử dụng tài sản trộm được. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Theo bản kết luận định giá tài sản số 403/KLĐG-TTHS ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự UBND huyện C kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, số máy 5C6J112503, số khung RLCS5C6J0EY112504, biển số 63B2 – 466.59 trị giá 7.250.000 đồng. Nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố

cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

[3] Về tính chất, mức độ tội phạm:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi đã tham gia việc thực hiện trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, gây hoang mang, lo ngại trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy vụ án này chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Nên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo phải phù hợp, tương xứng với mức độ, tính chất, vai trò hành vi phạm tội của từng bị cáo:

+ **Đối với bị cáo Nguyễn Văn L:** Tuy bị cáo không phải là người trực tiếp rử rẻ thực hiện hành vi phạm tội nhưng khi Lê Minh Đ khởi xướng thì bị cáo không từ chối và tham gia giúp sức tích cực cho Lê Minh Đ thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người thực hiện công việc canh giới và chở Đ tẩu thoát khi bị phát hiện. Bị cáo không có tiền án, nhưng có 01 tiền sự vào ngày 12/8/2020 bị Công an xã P, huyện T, tỉnh V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích.

+ **Đối với bị cáo Trần Ngọc D:** Bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng khi biết Đ và L quay lại trộm tài sản, bị cáo đã không ngăn cản. Sau khi lấy được tài sản bị cáo là người cất giấu sử dụng tài sản trộm được. Tuy bị cáo chỉ đi theo bị cáo L và Lê Minh Đ nhưng xét về tính chất phạm tội của bị cáo trong vụ án này cũng nguy hiểm. Do đó cũng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhưng nhẹ hơn bị cáo L.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo D khai nhận vào ngày 07/12/2020 bị cáo đã có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ngày 05/5/2021, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V đã xét xử bị cáo xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ nên bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo không có.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, song xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Bị cáo L lại bị nghiện. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng các hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Ngọc Đ đã nhận tài sản bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 biển số 94D1 – 411.22 là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 áo sơ mi dài tay màu đen, sọc trắng, trên cổ áo có chữ “TS FASHION MADE IN VIET NAM. 3 XL”; 01 nón lưỡi trai màu đen, bên trong có chữ “nón sơn” màu cam; 01 áo sơ mi dài tay màu đen sọc trắng, trên cổ áo có chữ là đồ dùng cá nhân của bị cáo L, bị cáo L không có yêu cầu nhận lại. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với

các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với bà Lưu Thị Mộng T có hành vi chứa chấp xe mô tô loại Sirius, có gắn biển số 94D1 – 411.22 tại nhà ở ấp P, xã P, huyện T, tỉnh V, nhưng quá trình điều tra xác định bà không biết xe mô tô nói trên là tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Lê Minh Đ, quá trình điều tra xác định Đ sinh năm 1991, thường trú ấp 7, xã T, huyện T, tỉnh C là đối tượng có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, hiện đã bỏ địa phương đi không biết ở đâu và 01 người phụ nữ đi cùng với Đ (không họ tên và rõ địa chỉ), Cơ quan điều tra không truy tìm được 02 đối tượng này để tiến hành tố tụng, khi tìm được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Theo bản án số 21/2021/HSST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xử phạt bị cáo D 09 tháng cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó việc tổng hợp hình phạt đối với bị cáo D theo quy định tại khoản 3 Điều 56 do Chánh án tổng hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt đối với bị cáo D.

[9] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L, bị cáo Trần Ngọc D đã phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 19/12/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật

hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy 01 biển số 94D1 – 411.22; 01 áo sơ mi dài tay màu đen, sọc trắng, trên cổ áo có chữ “TS FASHION MADE IN VIET NAM. 3 XL”; 01 nón lưỡi trai màu đen, bên trong có chữ “nón sơn” màu cam; 01 áo sơ mi dài tay màu đen sọc trắng, trên cổ áo có chữ.

Tất cả vật chứng, tài sản trên hiện do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C đang quản lý *(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C).*

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(ngày 01/6/2021)*. Riêng đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

